

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Phạm Thuyên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Phó Chủ tịch
Ông Đào Đình Đề	Thành viên
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên
Bà Vũ Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thùy Liên	Thành viên
Bà Trịnh Thị Ngọc Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phạm Thuyên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng giám đốc

Đồng Nai, ngày 11 tháng 08 năm 2023

Số: 16/2023/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai, được lập ngày 11 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



**Lục Thị Vân
Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.458.559.626	56.733.574.102
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	3.770.628.563	5.258.989.690
1. Tiền	111		3.770.628.563	5.258.989.690
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.450.000.000	2.450.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4.2	2.450.000.000	2.450.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.353.761.259	19.965.439.176
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	27.711.080.812	19.929.869.135
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		84.931.840	188.451.225
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	1.705.930.040	1.995.300.249
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(2.148.181.433)	(2.148.181.433)
IV. Hàng tồn kho	140		24.193.004.785	24.818.980.145
1. Hàng tồn kho	141	4.6	24.278.783.576	24.924.466.122
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	4.6	(85.778.791)	(105.485.977)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.691.165.019	4.240.165.091
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.691.165.019	4.240.165.091
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.663.563.725	49.121.831.498
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		850.000.000	750.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	850.000.000	750.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.845.160.359	2.320.742.947
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	1.845.160.359	2.320.742.947
Nguyên giá	222		32.418.943.917	32.365.374.917
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.573.783.558)	(30.044.631.970)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		819.000.000	819.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	819.000.000	819.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		45.149.403.366	45.232.088.551
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	45.149.403.366	45.149.403.366
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	82.685.185
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		108.122.123.351	105.855.405.600

(Xem trang tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		48.893.566.839	49.419.669.276
I. Nợ ngắn hạn	310		48.205.876.289	48.681.978.726
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	21.894.117.697	20.106.130.010
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		28.160.272	164.585.174
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	377.034.127	590.184.183
4. Phải trả người lao động	314		2.463.147.850	3.100.465.020
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	4.208.406.229	1.870.817.886
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.12	16.118.396.633	17.910.922.972
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.116.613.481	4.938.873.481
II. Nợ dài hạn	330		687.690.550	737.690.550
1. Phải trả dài hạn khác	337		687.690.550	737.690.550
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		59.228.556.512	56.435.736.324
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13	59.228.556.512	56.435.736.324
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.182.180.000	15.182.180.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.182.180.000	15.182.180.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.299.463.130	19.299.463.130
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.518.200.000	1.518.200.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.228.713.382	20.435.893.194
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		19.221.318.794	10.209.716.985
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.007.394.588	10.226.176.209
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		108.122.123.351	105.855.405.600



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Bắc Trung
Người lập

Đồng Nai, ngày 11 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.15	57.010.203.623	72.629.261.351
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.16	3.134.352.874	8.110.865.575
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		53.875.850.749	64.518.395.776
4. Giá vốn hàng bán	11	4.17	37.871.889.348	46.148.038.556
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.003.961.401	18.370.357.220
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		13.967.574	121.921.316
7. Chi phí tài chính	22	4.18	2.273.807.981	1.565.420.414
Trong đó, chi phí lãi vay	23		756.400.750	114.270.094
8. Chi phí bán hàng	25	4.19	3.419.993.875	5.221.650.180
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.20	5.804.739.998	6.999.339.876
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.519.387.121	4.705.868.066
11. Thu nhập khác	31	4.21	2.070.283.973	1.171.910.014
12. Chi phí khác	32	4.22	1.494.710.109	243.182.691
13. Lợi nhuận khác	40		575.573.864	928.727.323
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.094.960.985	5.634.595.389
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.24	1.004.881.212	1.153.598.931
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		82.685.185	85.454.546
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.007.394.588	4.395.541.912
18. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.13.4	2.164	2.374



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Bắc Trung
Người lập

Đồng Nai, ngày 11 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.094.960.985	5.634.595.389
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.7	529.151.588	884.931.787
Các khoản dự phòng	03		(19.707.186)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.436.514)	(158.284.952)
Chi phí lãi vay	06	4.18	756.400.750	114.270.094
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.358.369.623	6.475.512.318
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.939.322.011)	(10.688.834.778)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		645.682.546	(4.571.563.605)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.267.236.019	7.384.518.390
Tiền lãi vay đã trả	14		(756.400.750)	(114.270.094)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(1.183.433.329)	(901.564.434)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.822.260.000)	(1.617.976.834)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.569.872.098	(4.034.179.037)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(53.569.000)	(67.890.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	36.363.636
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.436.514	121.921.316
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(51.132.486)	90.394.952

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.25	18.235.575.863	13.399.619.056
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.26	(20.028.102.202)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.214.574.400)	(1.214.574.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.007.100.739)	12.185.044.656
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(1.488.361.127)	8.241.260.571
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.258.989.690	12.967.380.648
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	3.770.628.563	21.208.641.219



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Bắc Trung
Người lập

Đồng Nai, ngày 11 tháng 08 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là nhà máy Sơn Đồng Nai là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp Đồng Nai. Ngày 13 tháng 12 năm 1999, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600451024 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 04 năm 2023 để điều chỉnh nội dung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 166 (31/12/2022: 175).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, bột trét tường.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Bắc Ninh	Khu công nghiệp Yên Phong, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2022.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	569.016.059	259.414.662
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.201.612.504	4.999.575.028
Cộng	<u>3.770.628.563</u>	<u>5.258.989.690</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư cổ phiếu Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	2.450.000.000	8.856.750.000	2.450.000.000	6.419.000.000

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch	819.000.000	-	819.000.000	-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty TNHH MTV Sơn Sơn	2.897.601.701	1.390.520.534
Các khách hàng khác (*)	24.813.479.111	18.539.348.601
Cộng	27.711.080.812	19.929.869.135

(*) Tại ngày 30/06/2023, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải thu của khách hàng ngắn hạn.

Quyền phải thu ngắn hạn của khách hàng tối thiểu 15 tỷ VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.12.

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác Công ty TNHH PPG Việt Nam do chi hộ	1.462.822.914	-	1.566.476.492	-
Phải thu khác Công ty TNHH Akzo Nobel Việt Nam do chi hộ	181.193.153	-	360.146.012	-
Phải thu người lao động	56.913.973	-	63.677.745	-
Phải thu khác	5.000.000	-	5.000.000	-
Cộng	1.705.930.040	-	1.995.300.249	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	850.000.000	-	750.000.000	-

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.215.626.767	67.445.334	2.215.626.767	67.445.334

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì công nợ đã tồn đọng nhiều năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Cửa hàng Nguyễn Văn San	1.096.000.000	-	Trên 3 năm	1.096.000.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH TM & XD Minh Khôi	367.017.470	-	Trên 3 năm	367.017.470	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	752.609.297	67.445.334	Từ 1 đến 3 năm	752.609.297	67.445.334	Từ 1 đến 3 năm
Cộng	2.215.626.767	67.445.334		2.215.626.767	67.445.334	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
Nguyên liệu, vật liệu	7.916.605.952	(34.938.016)	6.984.924.432	6.984.924.432	(54.506.056)	(54.506.056)
Công cụ, dụng cụ	697.456.382	(5.936.182)	505.310.665	505.310.665	(6.075.328)	(6.075.328)
Thành phẩm	15.661.583.260	(44.904.593)	17.433.390.877	17.433.390.877	(44.904.593)	(44.904.593)
Hàng hóa	3.137.982	-	840.148	840.148	-	-
Cộng	24.278.783.576	(85.778.791)	24.924.466.122	24.924.466.122	(105.485.977)	(105.485.977)

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho, duy trì ở mức tối thiểu 15 tỷ VND, đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.12.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	7.953.820.577	16.658.738.241	7.620.555.554	132.260.545	32.365.374.917
Mua trong kỳ	-	53.569.000	-	-	53.569.000
Tại ngày 30/06/2023	7.953.820.577	16.712.307.241	7.620.555.554	132.260.545	32.418.943.917
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	7.553.285.246	15.735.185.857	6.623.900.322	132.260.545	30.044.631.970
Khấu hao trong kỳ	114.438.678	249.349.562	165.363.348	-	529.151.588
Tại ngày 30/06/2023	7.667.723.924	15.984.535.419	6.789.263.670	132.260.545	30.573.783.558
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	400.535.331	923.552.384	996.655.232	-	2.320.742.947
Tại ngày 30/06/2023	286.096.653	727.771.822	831.291.884	-	1.845.160.359

Tại ngày 30/06/2023, một số TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.12.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 26.232.428.550 VND.

4.8. Chi phí trả trước dài hạn

Là khoản trả trước chi phí sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với thời hạn thuê từ 06/06/2022 đến 31/05/2065.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 4.28	1.098.345.730	1.098.345.730	945.497.958	945.497.958
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Khai Thác SX TM và Vận Tải Đá Trắng	2.429.308.475	2.429.308.475	1.928.562.480	1.928.562.480
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	18.366.463.492	18.366.463.492	17.232.069.572	17.232.069.572
Cộng	<u>21.894.117.697</u>	<u>21.894.117.697</u>	<u>20.106.130.010</u>	<u>20.106.130.010</u>

(*) Tại ngày 30/06/2023, mỗi khoản phải trả cho các đối tượng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2023	Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2023
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT được khấu trừ	28.689.426	187.083.184	201.469.378	43.075.620
Thuế GTGT hàng NK	-	244.645.783	244.645.783	-
Thuế nhập khẩu	-	3.104.220	3.104.220	-
Thuế TNDN	227.263.609	1.004.881.212	1.183.433.329	405.815.726
Thuế thu nhập cá nhân	121.081.092	270.868.005	291.079.750	141.292.837
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	<u>377.034.127</u>	<u>1.714.582.404</u>	<u>1.927.732.460</u>	<u>590.184.183</u>

4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chiết khấu bán hàng theo doanh số	2.052.000.000	61.709.000
Trích trước chương trình khuyến mãi	300.000.000	1.301.000.000
Trích chi phí phạt vi phạm hợp đồng	1.080.528.215	-
Các khoản trích trước khác	775.878.014	508.108.886
Cộng	<u>4.208.406.229</u>	<u>1.870.817.886</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.12. Vay ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	16.118.396.633	16.118.396.633	18.235.575.863	20.028.102.202	17.910.922.972	17.910.922.972

Vay ngắn hạn là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi nhánh Khu Công Nghiệp Biên Hòa có chi tiết như sau:

Hạn mức vay: 30 tỷ VND;

Thời hạn vay: 06 tháng;

Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ từ 7,5% - 8,2%/năm;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh;

Tài sản đảm bảo:

- Tài sản cố định hữu hình – Xem thêm Mục 4.7.

- Toàn bộ giá trị hàng tồn kho với mức duy trì tối thiểu 15 tỷ đồng – Xem thêm Mục 4.6.

- Quyền đối với khoản phải thu đã và/hoặc sẽ hình thành trong tương lai với giá trị tối thiểu 15.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.3.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13. Vốn chủ sở hữu****4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2022	15.182.180.000	1.518.200.000	16.940.617.710	14.764.370.985		48.405.368.695
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	4.395.541.912		4.395.541.912
Chia cổ tức năm 2021 đợt 1	-	-	-	(1.214.574.400)		(1.214.574.400)
Tại ngày 30/06/2022	15.182.180.000	1.518.200.000	16.940.617.710	17.945.338.497		51.586.336.207
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	11.330.094.220		11.330.094.220
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.358.845.420	(2.358.845.420)		-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.140.614.503)		(3.140.614.503)
Chia cổ tức năm 2021 đợt 2	-	-	-	(3.340.079.600)		(3.340.079.600)
Tại ngày 01/01/2023	15.182.180.000	1.518.200.000	19.299.463.130	20.435.893.194		56.435.736.324
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	4.007.394.588		4.007.394.588
Chia cổ tức năm 2022 đợt 1 (*)	-	-	-	(1.214.574.400)		(1.214.574.400)
Tại ngày 30/06/2023	15.182.180.000	1.518.200.000	19.299.463.130	23.228.713.382		59.228.556.512

(*) Cổ tức năm 2022 được chia theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-SDN/ĐHCHĐ2023 ngày 26 tháng 04 năm 2023.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần phát triển khu Công nghiệp	4.555.440.000	4.555.440.000
Vốn góp của các đối tượng khác	10.626.740.000	10.626.740.000
Cộng	15.182.180.000	15.182.180.000

4.13.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	1.518.218	1.518.218
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	1.518.218	1.518.218
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.518.218	1.518.218

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.13.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.007.394.588	4.395.541.912
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(721.331.026)	(791.197.544)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	3.286.063.562	3.604.344.368
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	1.518.218	1.518.218
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	2.164	2.374

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty ước tính số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 18% theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-SDN/ĐHCĐ2023 ngày 26 tháng 04 năm 2023.

4.13.5. Cổ tức đã trả

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả trên tổng số cổ phần phổ thông	1.214.574.400	1.214.574.400

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 23/07/2013	333.886.504	333.886.504
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 31/07/2015	1.111.934.750	1.111.934.750

4.15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	43.866.887.943	52.661.492.990
Doanh thu gia công	13.143.315.680	19.967.768.361
Cộng	57.010.203.623	72.629.261.351
Trong đó, doanh thu bán hàng cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.28	41.491.075	10.144.000

Doanh thu kỳ này giảm 22% so với kỳ trước là do nhu cầu về các sản phẩm của Công ty giảm theo sự sụt giảm của thị trường bất động sản và hoạt động gia công giảm 34% do khách hàng chính chuyển dần sang tự sản xuất. Ngoài ra, trong kỳ này, chiết khấu thương mại được ghi trực tiếp trên hoá đơn bán hàng nên cũng làm giảm doanh thu.

4.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thương mại	2.459.118.174	7.072.011.365
Hàng bán bị trả lại	675.234.700	1.038.854.210
Cộng	3.134.352.874	8.110.865.575

Chiết khấu thương mại giảm 65% do kỳ này chiết khấu thương mại được ghi nhận giảm trực tiếp vào doanh thu.

4.17. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán hàng	28.229.429.812	33.316.431.618
Giá vốn gia công	9.642.459.536	12.831.606.938
Cộng	37.871.889.348	46.148.038.556

Giá vốn kỳ này giảm do doanh thu giảm như được thuyết minh tại Mục 4.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	756.400.750	114.270.094
Chiết khấu thanh toán	1.510.934.010	1.446.519.230
Lỗi chênh lệch tỷ giá	6.473.221	4.631.090
Cộng	2.273.807.981	1.565.420.414

4.19. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí vật liệu, bao bì	552.959.182	679.940.529
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.648.147	103.954.698
Chi phí hoạt động xúc tiến thương mại	1.440.608.356	2.873.966.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	289.998.472	222.287.633
Các chi phí khác	1.111.779.718	1.341.500.887
Cộng	3.419.993.875	5.221.650.180

4.20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý (*)	3.198.722.601	4.170.201.642
Chi phí vật liệu quản lý	241.347.935	326.392.778
Chi phí đồ dùng văn phòng	71.573.621	69.986.949
Chi phí khấu hao TSCĐ	148.251.522	148.251.522
Thuế, phí và lệ phí	55.048.147	74.479.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	292.910.719	289.678.352
Chi phí bằng tiền khác	1.796.885.453	1.920.349.004
Cộng	5.804.739.998	6.999.339.876

(*) Chi phí nhân viên quản lý kỳ này giảm 23% so với kỳ trước là do sản lượng sản xuất giảm nên theo chính sách của Công ty chi phí nhân viên quản lý cũng giảm.

4.21. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ cho thuê và quản lý kho	1.586.445.920	764.328.000
Thu nhập từ xử lý vật tư, hàng hóa thừa khi kiểm kê	403.195.555	236.478.269
Thu nhập khác	80.642.498	171.103.745
Cộng	2.070.283.973	1.171.910.014

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.22. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí vi phạm hợp đồng	1.080.528.215	-
Chi phí xử lý vật tư, hàng hóa thiếu khi kiểm kê	412.805.802	201.436.287
Chi phí khác	1.376.092	41.746.404
Cộng	1.494.710.109	243.182.691

4.23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.152.065.139	34.780.105.349
Chi phí nhân công	13.178.126.299	17.084.404.765
Chi phí khấu hao tài sản cố định	529.151.588	884.931.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.516.966.446	6.547.448.701
Chi phí khác bằng tiền	2.948.506.132	3.342.329.520
Cộng	45.324.815.604	62.639.220.122

4.24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	5.094.960.985	5.634.595.389
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	342.871.000	231.135.699
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(413.425.926)	(427.272.728)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	5.024.406.059	5.438.458.360
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.004.881.212	1.087.691.672
Truy thu thuế TNDN năm 2017 theo Quyết định 141/QĐ-CTDON ngày 27/01/2022	-	65.907.259
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	1.004.881.212	1.153.598.931

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không hợp lý, hợp lệ, không hóa đơn, chứng từ; chi phí trích trước đến kỳ hạn vẫn chi không hết...

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.25. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	18.235.575.863	13.399.619.056

4.26. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	20.028.102.202	-

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.27. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất sơn các loại;
- Gia công sơn.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023:

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thuần						
Từ khách hàng bên ngoài	40.666.335.297	44.491.072.420	13.209.515.452	20.027.323.356	53.875.850.749	64.518.395.776
Cộng	40.666.335.297	44.491.072.420	13.209.515.452	20.027.323.356	53.875.850.749	64.518.395.776
Kết quả của bộ phận	4.620.001.058	2.700.893.273	2.159.226.470	3.448.473.891	6.779.227.528,0	6.149.367.164
Thu nhập tài chính					13.967.574	121.921.316
Chi phí tài chính					(2.273.807.981)	(1.565.420.414)
Thu nhập khác					2.070.283.973	1.171.910.014
Chi phí khác					(1.494.710.109)	(243.182.691)
Lợi nhuận trước thuế					5.094.960.985	5.634.595.389
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(1.087.566.397)	(1.239.053.477)
Lợi nhuận sau thuế					4.007.394.588	4.395.541.912

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tài sản của bộ phận	45.287.865.673	41.462.343.028	7.861.527.509	5.152.034.497	53.149.393.182	46.614.377.525
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	54.972.730.169	59.241.028.075
Tổng tài sản					108.122.123.351	105.855.405.600

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nợ phải trả của bộ phận	38.040.674.602	38.181.638.156	-	-	38.040.674.602	38.181.638.156
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	10.852.892.237	11.238.031.120
Tổng nợ phải trả					48.893.566.839	49.419.669.276

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí mua sắm tài sản	53.569.000	67.890.000	-	-	53.569.000	67.890.000
Chi phí khấu hao	437.856.075	772.173.184	91.295.513	112.758.603	529.151.588	884.931.787

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.28. Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty trong cùng tập đoàn
3. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty trong cùng tập đoàn
4. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Công ty trong cùng tập đoàn
5. Công ty TNHH Thiên Nhất Thiên	Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
6. Công ty TNHH Phương Đông	Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
7. Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc (TGD)	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả thương mại:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	155.803.833	-
Công ty TNHH Thiên Nhất Thiên	942.541.897	945.497.958
Cộng – Xem thêm Mục 4.9	<u>1.098.345.730</u>	<u>945.497.958</u>

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng, nhận dịch vụ:		
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	148.226.917	256.535.602
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	22.520.000	24.120.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	13.016.710	28.445.954
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	67.846.500	36.817.146
Công ty TNHH Thiên Nhất Thiên	1.594.593.252	1.557.978.408
Cộng	<u>1.846.203.379</u>	<u>1.903.897.110</u>
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND

Bán hàng – Xem thêm Mục 4.15

Công ty TNHH Phương Đông	41.491.075	10.144.000
--------------------------	------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

		<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Trả cổ tức cho Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)		364.435.200	364.435.200
Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:			
		<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao và thu nhập:			
Nguyễn Phạm Thuyên	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó TGD	297.813.000	323.259.000
Nguyễn Đức Nhiên	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	306.750.000	337.375.000
Liu Chien Hung	Thành viên HĐQT – Miễn nhiệm ngày 27/04/2022	10.900.000	53.864.000
Vũ Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	61.696.000	13.332.000
Đào Đình Đề	Thành viên HĐQT	72.596.000	67.196.000
Trần Trung Kiên	Thành viên HĐQT	72.596.000	67.196.000
Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên	Phó TGD	185.195.000	221.847.000
Cộng		<u>1.007.546.000</u>	<u>1.084.069.000</u>
		<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Cổ tức đã trả:			
Nguyễn Phạm Thuyên	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó TGD	3.200.000	3.200.000
Nguyễn Đức Nhiên	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	5.280.000	5.280.000
Liu Chien Hung	Thành viên HĐQT – Miễn nhiệm ngày 27/04/2022	119.482.400	119.482.400
Đào Đình Đề	Thành viên HĐQT	65.107.200	65.107.200
Vũ Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT – Bổ nhiệm ngày 27/04/2022	1.360.000	1.360.000
Cộng		<u>194.429.600</u>	<u>194.429.600</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.29. Thu nhập Ban kiểm soát**

		Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng Ban Kiểm soát	72.596.000	67.196.000
Bà Bùi Thị Thuý Liên	Thành viên	44.398.000	40.298.000
Bà Trịnh Thị Ngọc Hương	Thành viên	44.398.000	40.298.000
Cộng		161.392.000	147.792.000

4.30. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 48 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	148.226.917	256.535.602

Tại ngày 30/06/2023, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Từ 1 năm trở xuống	148.226.917	148.226.917
Trên 1 năm đến 5 năm	592.907.668	592.907.668
Trên 5 năm	3.112.765.257	3.260.992.174
Cộng	3.853.899.842	4.002.126.759

4.31. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Bắc Trung
Người lập

Đồng Nai, ngày 11 tháng 08 năm 2023